

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Bùi Thúy Mở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2021/QĐST- HNGĐ ngày 21/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị H và anh Trần Văn B kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn số 27 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng cùng gia đình nhà chồng khoảng 02 năm. Sau đó vợ chồng chuyển sang thôn Cây Đa, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng sinh sống.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra tình trạng cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

Chị H trình bày chị và anh B có 03 con chung tên là Trần Thị Mai Chi, sinh ngày 29/7/2005; Trần Thị Thu Ngân sinh ngày 06/02/2008 và Trần Bảo Khang, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thị Mai Chi và Trần Thị Thu Ngân; và đề nghị giao con chung Trần Bảo Khang sinh ngày 08/02/2014 cho anh B trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh B tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn B là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án có những quan điểm như sau:

Anh kết hôn với cô H trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau cưới vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng cùng gia đình nhà chồng khoảng 02 năm. Sau đó vợ chồng chuyển sang thôn Cây Đa, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận H phúc đến ngày 02/6/2020 thì cô H bỏ về nhà bố mẹ đẻ

tại thôn An Trại, xã A, huyện T, Hải Phòng. Kể từ thời gian đó đến nay vợ chồng sống ly thân, anh có tìm gặp để khuyên nhủ cô H về đoàn tụ vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng cô H không về. Nay cô H có đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp cô H nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của cô H.

Về con chung: Anh trình bày vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con Trần Bảo Khang, hai con lớn có nguyện vọng ở với ai đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an xã Quảng Thanh, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị H và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã A vào năm 2005. Sau cưới vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn Cây Đa, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận H phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị H và anh B có 03 con chung tên là Trần Thị Mai Chi sinh ngày 29/7/2005; Trần Thị Thu Ngân sinh ngày 06/02/2008 và Trần Bảo Khang sinh ngày 08/02/2014, chị H và anh B đều có điều kiện nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Địa phương không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn B; về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Trần Thị Mai Chi sinh ngày 29/7/2005; Trần Thị Thu Ngân sinh ngày

06/02/2008; anh Trần Văn B trực tiếp nuôi con Trần Bảo Khang, sinh ngày 08/02/2014 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là Chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn B đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 27 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Cho nên mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn B.

[3]. Về con chung: Chị H và anh B có 03 con chung tên là Trần Thị Mai Chi sinh ngày 29/7/2005; Trần Thị Thu Ngân sinh ngày 06/02/2008 và Trần Bảo Khang sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thị Mai Chi và Trần Thị Thu Ngân và đề nghị giao cho anh B trực tiếp nuôi con chung là Trần Bảo Khang. Anh B trình bày mong muốn được trực

tiếp nuôi con chung Trần Bảo Khang. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị H và anh B đều có đủ khả năng, điều kiện nuôi các con chung. Mặt khác, 02 con chung là Trần Thị Mai Chi và Trần Thị Thu Ngân được chị H nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay vẫn ổn định, được bảo đảm đầy đủ quyền, lợi ích và phát triển B thường đồng thời cả 02 con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng với chị H trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Do vậy, cần giao cả 02 con chung Trần Thị Mai Chi và Trần Thị Thu Ngân cho chị H trực tiếp nuôi và giao con chung Trần Bảo Khang cho anh B trực tiếp nuôi khi ly hôn là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi các con chung tên là Trần Thị Mai Chi sinh ngày 29/7/2005 và Trần Thị Thu Ngân sinh ngày 06/02/2008; giao cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi con chung Trần Bảo Khang, sinh ngày 08/02/2014 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Trần Văn B trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016024 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và bà Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A, T,
(Giấy CNKH số 27 năm 2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân